

KHẢ NĂNG TỰ KIỂM SOÁT CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TRỰC TUYẾN

ENGLISH-MAJORED STUDENTS' SELF-CONTROL OVER THEIR ONLINE LEARNING

Võ Thị Kim Anh*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng¹

*Tác giả liên hệ: vtkanh@ufl.udn.vn

(Nhận bài: 21/10/2022; Chấp nhận đăng: 12/01/2023)

Tóm tắt - Phần lớn các trường đại học ở Việt Nam phải chuyển sang dạy học trực tuyến do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vào năm 2021. Việc học trực tuyến đòi hỏi sinh viên phải có kỹ năng tự kiểm soát việc học của mình. Bài báo trình bày nghiên cứu về khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại một trường Đại học ở Việt Nam. Phương pháp định lượng được áp dụng trong nghiên cứu với công cụ nghiên cứu là bảng khảo sát. Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu là 488 sinh viên. Nghiên cứu cho thấy sinh viên có khả năng tự kiểm soát việc học của mình tốt. Giới tính và năm học không có ảnh hưởng đến khả năng tự kiểm soát của sinh viên. Dựa trên kết quả nghiên cứu, các đề xuất được đưa ra nhằm nâng cao khả năng tự kiểm soát việc học của sinh viên.

Từ khóa - Học trực tuyến; khả năng tự kiểm soát; Covid-19

1. Đặt vấn đề

Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến Việt Nam từ đầu năm 2020 với 16 ca nhiễm Covid-19 đầu tiên. Nền giáo dục nước nhà đã trải qua rất nhiều khó khăn khi cách ly xã hội được triển khai rộng khắp trên cả nước trong thời gian dài đặc biệt trong đợt dịch thứ 3 và 4 năm 2021. Việc chuyển qua học trực tuyến đột ngột thiếu sự chuẩn bị đã khiến cho giảng viên và sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên cả nước đặc biệt các trường ở tâm dịch như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, và Đà Nẵng gặp nhiều khó khăn về điều kiện học và dạy, thiếu kiến thức về công nghệ và thiếu kinh nghiệm dạy, học trực tuyến [1], [2], [3], [4]. Cách thức tổ chức duy trì việc dạy và học được tiến hành khá đa dạng ở các trường, các tỉnh thành khác nhau. Trong khi các trường ở các thành phố lớn, việc dạy học trực tuyến theo hình thức đồng thời được sử dụng rộng rãi, các trường ở các tỉnh thành khác việc duy trì dạy và học được tiến hành tùy theo điều kiện có thể như gửi bài qua Zalo, cho học sinh học trên trang web thay vì tổ chức các buổi học trực tuyến.

Nhiều nghiên cứu được tiến hành để hiểu rõ hơn việc chuyển từ dạy và học trực tiếp sang dạy và học trực tuyến một cách đột ngột không chỉ ở Việt Nam và trên thế giới. Theo các nghiên cứu gần đây, mức độ sẵn sàng khi học trực tuyến của sinh viên khá cao, đặc biệt là học viên sau đại học [5]. Trong nghiên cứu được tiến hành năm 2021, mức độ sẵn sàng khi học trực tuyến được đánh giá dựa trên khả năng sử dụng công nghệ trong học tập, động lực học và hiệu quả khi học trực tuyến [5]. Trong một nghiên cứu khác được tiến hành ở 13 nước châu Âu, với điều kiện cho việc dạy và học trực tuyến có tốt hơn ở các nước đang phát triển, giảng viên và sinh viên đã thích ứng rất

Abstract - Most of universities in Vietnam had to switch to online learning and online teaching due to the impact of Covid-19. Online learning requires students to be good at self-controlling their study. The article presents a study on the English-majored students' ability to self-control in online learning in a university in Vietnam. The quantitative approach was utilized in the study with the questionnaire as the instrument. The number of participants is 488. The research reveals that students have a good ability to self-control their study. Gender and levels of students by years had no influences on students' self-control. Based on the findings, implications to improve students' self-control were suggested.

Key words - Online learning; self-control ability; Covid-19

nhạy với việc dạy và học trực tuyến [6]. Tuy nhiên, việc chuyển đổi đột ngột từ dạy và học trực tiếp sang dạy và học trực tuyến cũng ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Thiếu tương tác giữa sinh viên - giảng viên, và giữa sinh viên với nhau cùng lối dạy vẫn còn thụ động của giảng viên đã được ghi nhận ở các trường đại học ở 13 nước này.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu đã cho thấy giảng viên chưa thực sự sẵn sàng cho việc tiến hành dạy học trực tuyến. Việc tiến hành dạy trực tuyến một cách đột ngột do đại dịch Covid-19 khi giảng viên chưa được đào tạo về dạy trực tuyến đã gây ra rất nhiều khó khăn cho không chỉ giảng viên đứng lớp mà còn cả sinh viên [1], [2]. Giảng viên thiếu năng lực về công nghệ thông tin và thiếu kiến thức về dạy trực tuyến đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy, và động lực, sự hứng thú của sinh viên trong lớp học.

Một nghiên cứu được tiến hành ở một trường đại học với đối tượng là sinh viên Tiếng Anh đã cho thấy, tuy sinh viên chấp nhận việc học trực tuyến để ngăn ngừa sự lan rộng của vi rút corona và có nhận thức khá tốt về việc học trực tuyến, động lực học, tuy hiệu quả học và khả năng tương tác của sinh viên giảm rõ rệt trong quá trình học trực tuyến [7]. Nghiên cứu về việc sử dụng Learning Management System (LMS), tạm dịch là hệ thống quản lý học trực tuyến với sự tự chủ của người học cho thấy việc sử dụng LMS góp phần tăng sự tự chủ của người học [8]. Những nghiên cứu này đã phần nào khắc họa được bức tranh về dạy và học trực tuyến ở Việt Nam trong giai đoạn Covid-19 xảy ra. Tuy nhiên, vẫn cần có các nghiên cứu chuyên sâu hơn và trên diện rộng hơn với việc học trực tuyến của sinh viên ở các trường đại học và cao đẳng nói chung và sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng.

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies (Vo Thi Kim Anh)

Nghiên cứu được trình bày trong khuôn khổ bài báo được thực hiện vào cuối năm 2021, đầu năm 2022 khi đại dịch Covid-19 phần nào đã được kiểm soát ở Việt Nam và trên thế giới. Mục tiêu của nghiên cứu là tìm hiểu khả năng tự kiểm soát khi học trực tuyến của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh ở một trường đại học ở miền Trung.

Nghiên cứu được tiến hành để trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu sau:

- Khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trong quá trình học trực tuyến?
- Ảnh hưởng của giới tính đến khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trong quá trình học trực tuyến?
- Ảnh hưởng của năm học đến khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trong quá trình học trực tuyến?

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Học trực tuyến

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật cũng như mạng internet đã mang lại sự phát triển vượt bậc của dạy và học trực tuyến. Đặc biệt trong hai năm vừa qua, việc dạy và học trực tuyến được xem là giải pháp tối ưu để duy trì việc dạy và học khi giãn cách xã hội được áp dụng rộng khắp trên cả nước. Học trực tuyến được định nghĩa là việc học qua các công cụ được kết nối internet. Dạy và học trực tuyến có thể được tiến hành đồng thời hay không đồng thời (Asynchronous/ synchronous online learning) [9].

Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quyết định cho học sinh, sinh viên chuyển qua học trực tuyến rất nhanh chóng khi tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp để ngăn ngừa sự lây lan của vi rút corona [10]. Tại các trường đại học và cao đẳng ở miền Trung Việt Nam, việc tổ chức dạy và học trực tuyến được tổ chức kết hợp cả hai hình thức đồng thời và không đồng thời. Hình thức dạy và học trực tuyến đồng thời được định nghĩa là cách dạy và học yêu cầu người học phải tham gia lớp học ảo ở các thời điểm được lên lịch cụ thể và người học không thể lựa chọn giờ học theo nhu cầu cá nhân. Các lớp học trực tuyến trên Zoom hay Google Meet là điển hình của hình thức dạy và học trực tuyến đồng thời. Dạy và học trực tuyến không đồng thời là các khóa học được thiết kế trực tuyến và người học có thể đăng nhập khóa học và học theo thời gian biểu của riêng mình.

Các phần mềm phổ biến như Zoom, MS Team, hay Google Meet được sử dụng để thực hiện các buổi học trực tuyến với hình thức học trực tuyến đồng thời. Ngoài ra, các khóa học trực tuyến còn được tổ chức trên các platform như Learning Management Systems (LMS) hoặc Modular Object-Oriented Dynamic Learning Environments (MOODLE) với hình thức học trực tuyến không đồng thời [9].

2.2. Mức độ sẵn sàng của sinh viên khi học trực tuyến

Hiệu quả của việc dạy và học trực tuyến phụ thuộc nhiều vào mức độ sẵn sàng của sinh viên khi học trực tuyến. Mức độ sẵn sàng cho việc học trực tuyến được thể hiện trên 3 khía cạnh: (1) Sự lựa chọn của sinh viên với hình thức học trực tuyến trong so sánh với lớp học trực tiếp; (2) Sự tự tin của sinh viên trong việc sử dụng giao tiếp điện tử để học trực tuyến và sự tự tin trong việc sử dụng internet và giao tiếp qua máy tính; (3) Khả năng tự học [11].

Mức độ sẵn sàng của người học được đo lường qua 5 nhân tố (dimension): (1) Khả năng sử dụng máy tính hiệu quả; (2) Khả năng tự định hướng; (3) Khả năng tự kiểm soát; (4) Động lực học tập; và (5) Hiệu quả giao tiếp trực tuyến [12].

2.3. Khả năng tự kiểm soát trong học tập

Người học có rất nhiều thuận lợi như sự linh hoạt trong thời gian và địa điểm, có cơ hội lựa chọn các hình thức học phù hợp khi học trực tuyến. Người học còn có thể cá nhân hóa lộ trình học của riêng mình. Tuy nhiên, nếu người học không thể kiểm soát tốt việc học của mình, sự linh hoạt trong học tập sẽ có thể có tác động xấu đến kết quả học tập [13].

Khả năng tự kiểm soát trong học tập được hiểu là khả năng tự kiểm soát việc học và quá trình học của người học [12]. Khả năng tự kiểm soát đóng vai trò rất quan trọng trong học trực tuyến khi nó giúp tối đa hóa vai trò tự chủ của người học trong học trực tuyến.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp định lượng để khảo sát sinh viên ngành ngôn ngữ Anh tại một trường đại học ở miền trung. Phương pháp định lượng giúp tác giả có thể lấy dữ liệu trên diện rộng, từ đó đạt được độ khái quát của nghiên cứu tốt hơn [14], [15].

3.1. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng công cụ nghiên cứu là bảng khảo sát với 3 phần: Phần 1 được thiết kế để thu thập thông tin cơ bản như giới tính, cấp học; Phần 2 gồm 3 câu hỏi để lấy thông tin về điều kiện học trực tuyến của sinh viên; Phần 3 gồm 10 câu hỏi nhằm khảo sát khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành ngôn ngữ Anh. Các câu hỏi được thiết kế dựa trên nghiên cứu trước đây [5], [12]. Google Form được sử dụng để hỗ trợ cho việc lấy số liệu và phân tích.

3.2. Đối tượng khảo sát

488 sinh viên năm 1 đến năm 4 ngành ngôn ngữ Anh của một trường Đại học tại miền Trung ở Việt Nam tham gia vào nghiên cứu. Các sinh viên tham gia nghiên cứu đã học và thi trực tuyến học kỳ 1, năm học 2021-2022 và đồng ý tham gia vào nghiên cứu. Khảo sát được thực hiện vào tháng 1 năm 2022 khi kỳ thi học kỳ 1 kết thúc.

Bảng 1. Thông tin sinh viên tham gia khảo sát

Năm	Giới tính		Tổng
	Nam	Nữ	
Năm 4	10	81	91
Năm 3	8	101	109
Năm 2	8	161	169
Năm 1	11	108	119
Tổng	37	451	488

Thông tin ở Bảng 1 cho thấy, số lượng sinh viên nữ (451) vượt trội so với sinh viên nam (37). Đây cũng là điều thường xảy ra ở các ngành học về ngoại ngữ.

3.3. Độ tin cậy và hợp lệ

Để đảm bảo độ tin cậy và hợp lệ của nghiên cứu, nghiên cứu thử nghiệm với 50 sinh viên từ năm 1 đến năm 4 được tiến hành để thử nghiệm phương pháp nghiên cứu và công cụ nghiên cứu, cụ thể là bảng khảo sát [5]. Bảng khảo sát

được thiết kế dựa trên nghiên cứu trước đây để gia tăng độ tin cậy và hợp lệ [5], [12]. Trong các nghiên cứu trước đây, bảng khảo sát đã được thiết kế và tính toán độ tin cậy hợp lệ qua các phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis) và phân tích nhân tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis) [12]. Tuy nhiên, để đảm bảo về độ tin cậy và tính hợp lệ khi các câu hỏi được phát triển, sử dụng ở bối cảnh khác, bảng khảo sát được gửi cho hai chuyên gia là tiến sĩ về phương pháp giảng dạy tiếng Anh để góp ý. Sau khi nhận được góp ý từ hai chuyên gia, bảng khảo sát được gửi cho 50 sinh viên tham gia nghiên cứu thử. Chỉ số Cronbach alpha của nghiên cứu thử là 0,854, thể hiện độ tin cậy cao của bảng khảo sát [14].

Trong nghiên cứu chính, độ tin cậy của nghiên cứu cũng ở ngưỡng cao với chỉ số Cronbach alpha là 0,857.

3.4. Phương pháp xử lý số liệu

Như đã trình bày ở Phần 3.1, bảng khảo sát được thiết kế trên Google Form và số liệu thu thập được sẽ được trình bày trong file Excell. Số liệu được xử lý qua phần mềm SPSS. Mean, Standard Deviation, T Test và MANOVA được sử dụng để phục vụ cho việc phân tích số liệu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Điều kiện học trực tuyến của sinh viên

Bảng 2. Thiết bị sử dụng học trực tuyến

STT	Loại thiết bị sử dụng để học trực tuyến	Số lượng/ tỷ lệ
1	Máy tính xách tay	407 (83,4%)
2	Điện thoại thông minh	70 (14,3%)
3	Máy tính bàn	7 (1,4%)
4	Máy tính bảng	4 (0,8%)

Thiết bị sinh viên sử dụng học trực tuyến phổ biến nhất là máy tính xách tay với 83,4%. Điện thoại thông minh được 14,3% sinh viên khảo sát sử dụng để học trực tuyến. Máy tính bàn và máy tính bảng chiếm tỷ lệ 1,4% và 0,8%. Như vậy, có thể thấy sinh viên ngành ngôn ngữ Anh có thiết bị học tập trực tuyến khá tốt.

Tuy nhiên, Bảng 3 cho thấy 85,1% sinh viên sở hữu thiết bị học tập còn lại 1% đi mượn và 13,9% thiết bị học tập là tài sản chung của gia đình.

Bảng 3. Sở hữu thiết bị học trực tuyến

STT	Sở hữu thiết bị học	Số lượng/ tỷ lệ
1	Tài sản cá nhân	415 (85,1%)
2	Mượn	5 (1%)
3	Tài sản chung của gia đình	68 (13,9%)

Bảng 4. Tốc độ đường truyền

STT	Tốc độ đường truyền	Số lượng/ tỷ lệ
1	Rất chậm	7 (1,4%)
2	Chậm	69 (14,1%)
3	Trung bình	338 (69,3%)
4	Nhanh	70 (14,4%)
5	Rất nhanh	4 (0,8%)

Tốc độ đường truyền Internet cũng ảnh hưởng phần nào đến chất lượng dạy và học trực tuyến. Việt Nam là nước có

tỷ lệ phủ sóng internet khá cao (69,3%) sinh viên có tốc độ đường truyền ở mức trung bình. 14,4% may mắn sử dụng internet có tốc độ nhanh và 0,8% có đường truyền tốc độ rất nhanh. 14,1% sinh viên học trực tuyến khi đường truyền chậm và 1,4% có đường truyền rất chậm.

4.2. Khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

Khả năng tự kiểm soát trong học trực tuyến của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện trong bảng khảo sát với thang đo từ 1 đến 5, tức là từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý. Các giá trị mean cho thấy sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có khả năng tự kiểm soát trong quá trình học trực tiếp khá tốt khi giá trị mean phần lớn nằm trong ngưỡng 3,41 đến 4,20. Theo Hung [12], khi giá trị mean nằm trong ngưỡng này phần lớn sinh viên tham gia khảo sát đồng ý với câu hỏi khảo sát và khả năng tự kiểm soát của sinh viên ở ngưỡng cao, ngưỡng số 4 trên 5.

Bảng 5. Khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

STT	Câu hỏi	Trung bình (Mean)
1	Tôi có thể tự kiểm soát tiến độ học tập của chính mình.	3,55
2	Tôi không bị phân tâm bởi các hoạt động trực tuyến khác khi học trực tuyến (tin nhắn nhanh, lướt Internet).	2,98
3	Tôi xem lại các tài liệu hướng dẫn trực tuyến khi có nhu cầu.	4,09
4	Tôi nghĩ rằng tôi vẫn có thể hoàn thành công việc của mình ngay cả khi tôi bị phân tâm khi học trực tuyến (ví dụ: bạn bè gửi email hoặc lướt web).	3,51
5	Tôi cố gắng hoàn thành tốt khóa học của mình.	4,25
6	Tôi không trì hoãn việc bắt đầu khóa học của mình.	4,34
7	Tôi nộp bài tập đúng hạn mà không cần nhắc nhở.	4,30
8	Tôi ghi chú lại khi thực hiện các bài đọc, các bài nghe hoặc xem video.	3,86
9	Tôi kiên trì khi đương đầu với thử thách/ khó khăn trong quá trình học trực tuyến.	3,74
10	Tôi thích tương tác với các bạn cùng lớp theo dạng cá nhân hoặc theo nhóm khi thực hiện các dự án chung.	3,92

Câu hỏi số 6 trong phần 3 của bảng khảo sát có giá trị mean cao nhất (4,34). Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh không trì hoãn việc bắt đầu khóa học của mình. Tại các trường đại học, sinh viên thường bắt đầu kỳ học theo lịch năm học của nhà trường và được lên kế hoạch hàng năm. Đây cũng là lý do sinh viên không thể trì hoãn tham gia các lớp học trực tuyến. Tuy nhiên, sinh viên còn bị phân tâm nhiều trong quá trình học khi giá trị mean thấp nhất (mean=2,98) được ghi nhận ở câu hỏi số 2. Ngoài ra việc khả năng tập trung học trực tuyến thấp còn thể hiện qua giá trị mean của câu hỏi khảo sát số 4 với giá trị mean= 3,51, thấp thứ hai trong 10 câu hỏi, nhưng vẫn nằm trong ngưỡng cao, thể hiện khả năng tự kiểm soát tốt.

Khả năng năng tự kiểm soát tiến độ học tập của sinh viên tuy vẫn ở ngưỡng cao với mean =3,55, nhưng thấp so với các câu hỏi khác trong bảng khảo sát. Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh đã rất cố gắng tự kiểm soát việc học của mình trong quá trình học trực tuyến thể hiện qua câu hỏi số 5 và 7. Sinh viên đã rất cố gắng để hoàn thành khóa học trực tuyến tốt trong điều kiện còn khó khăn do giãn cách xã hội và thiếu chuẩn bị cho học trực tuyến (Câu số 5 mean=4,25). Sinh viên cũng rất cố gắng tự kiểm soát việc học của mình thông qua việc hoàn thành và nộp bài tập đúng hạn mà không chờ sự nhắc nhở của giảng viên (câu số 7, mean=4,30). Khi giá trị mean nằm trong ngưỡng từ 4,21 đến 5,00, khả năng kiểm soát của sinh viên rất tốt, đạt ngưỡng cao nhất trong 5/5 [12], [16].

Khả năng tự kiểm soát việc học trực tuyến của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh còn được thể hiện qua sự cố gắng trong quá trình học của sinh viên (câu số 4, 8, 9,10). Câu số 3 (mean=4,09), câu số 8 (mean=3,86), và câu số 10 (mean= 3,92) thể hiện sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh rất tự giác trong việc học trực tuyến trong giai đoạn rất khó khăn do giãn cách xã hội được áp dụng rộng khắp ở Việt Nam. Sinh viên cũng đã cố gắng tự đương đầu với khó khăn trong quá trình học (mean= 3,74).

Tóm lại, dữ liệu thu được từ bảng khảo sát thể hiện sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có khả năng tự kiểm soát tốt khi giá trị mean phần lớn nằm trong ngưỡng cao thứ 4 của bảng khảo sát có thang đo từ 1 đến 5.

4.3. Ảnh hưởng giới tính lên khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

Bảng 6. Ảnh hưởng giới tính lên khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

STT	Câu hỏi	Sig.
1	Tôi có thể tự kiểm soát tiến độ học tập của chính mình.	0,792
2	Tôi không bị phân tâm bởi các hoạt động trực tuyến khác khi học trực tuyến (tin nhắn nhanh, lướt Internet).	0,629
3	Tôi xem lại các tài liệu hướng dẫn trực tuyến khi có nhu cầu.	0,102
4	Tôi nghĩ rằng tôi vẫn có thể hoàn thành công việc của mình ngay cả khi tôi bị phân tâm khi học trực tuyến (ví dụ: bạn bè gửi email hoặc lướt web).	0,322
5	Tôi cố gắng hoàn thành tốt khóa học của mình.	0,763
6	Tôi không trì hoãn việc bắt đầu khóa học của mình.	0,749
7	Tôi nộp bài tập đúng hạn mà không cần nhắc nhở.	0,507
8	Tôi ghi chú lại khi thực hiện các bài đọc, các bài nghe hoặc xem video.	0,566
9	Tôi kiên trì khi đương đầu với thử thách/ khó khăn trong quá trình học trực tuyến.	0,678
10	Tôi thích tương tác với các bạn cùng lớp theo dạng cá nhân hoặc theo nhóm khi thực hiện các dự án chung.	0,163

Để nghiên cứu liệu giới tính có ảnh hưởng đến khả năng tự kiểm soát khi học trực tuyến của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, T Test được sử dụng. Kết quả được trình bày

trong Bảng 6 cho thấy toàn bộ giá trị sig. đều lớn hơn 0,05, có nghĩa là giới tính không ảnh hưởng đến khả năng tự kiểm soát trong học tập của sinh viên. Ngoài ra, chúng ta có thể thấy sự khác biệt ở giá trị mean giữa nam và nữ là không đáng kể trong cột thứ hai của Bảng 6. Tuy nhiên, sự chênh lệch quá lớn giữa nam và nữ sinh viên tham gia khảo sát do đặc thù ngành ngôn ngữ cũng có thể làm cho kết quả không chính xác.

4.4. Ảnh hưởng của năm học lên khả năng tự kiểm soát khi học trực tuyến của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

Bảng 7. Phân tích phương sai đa biến (MANOVA)

Value	F	Sig.
0,954	0,757	0,825

MANOVA được sử dụng để nghiên cứu năm học (năm 1 đến năm 4) của sinh viên có thể ảnh hưởng đến khả năng tự kiểm soát của sinh viên trong việc học trực tuyến hay không. Kết quả được trình bày ở Bảng 7 cho thấy, năm học không có ảnh hưởng đến khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh khi sig =0,825>0,05.

5. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có đủ thiết bị học tập và điều kiện học tập khá cơ bản. Tuy nhiên, theo các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam, việc học trực tuyến của sinh viên cũng như dạy trực tuyến của giảng viên vẫn còn nhiều khó khăn do cơ sở vật chất. Trục trực đường truyền hay các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong buổi học trực tuyến cũng ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học trực tuyến [3], [1], [2].

Khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện khá tốt qua nghiên cứu. Điều này cũng tương đồng với các nghiên cứu trước đây ở Việt Nam và trên thế giới. Một nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy, khả năng tự học của sinh viên khá tốt khi học trực tuyến [7]. Các công cụ như LMS hay Google drive trong dạy và học trực tuyến cũng góp phần nâng cao khả năng tự học của sinh viên [8]. Theo một nghiên cứu ở Indonesia, sinh viên phát triển khả năng độc lập trong học tập trong quá trình học trực tuyến trong thời gian giãn cách xã hội [17]. Các nghiên cứu ở Hồng Kong, và Malaysia cũng cho thấy, sinh viên khá sẵn sàng cho việc chuyển đổi qua học trực tuyến đột ngột và có khả năng tự kiểm soát tốt [18], [5].

Giới tính và năm học không có ảnh hưởng đến khả năng tự kiểm soát của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Nghiên cứu ở Đài Loan cũng thể hiện giới tính không ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên [12]. Tuy nhiên, theo nghiên cứu ở Malaysia, nữ sinh viên có khả năng tự kiểm soát tốt hơn nam sinh viên [18]. Ở Hồng Kong, sự khác biệt trong khả năng tự kiểm soát trong học trực tuyến của sinh viên nam và nữ cũng được ghi nhận [5].

Theo kết quả nghiên cứu, không có sự khác nhau về khả năng tự kiểm soát của sinh viên ở năm 1 đến năm 4 của ngành Ngôn ngữ Anh. Các nghiên cứu trước đây trên thế giới chỉ so sánh sự khác biệt giữa sinh viên của các cấp học, ví dụ giữa sinh viên đại học và sau đại học, không tập trung vào sự khác nhau giữa sinh viên đại học của các năm khác nhau. Theo các nghiên cứu trên thế giới, sinh viên cấp học càng cao khả năng tự kiểm soát càng cao [18], [5].

6. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu được thực hiện vào cuối năm 2021 cho thấy, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh của một trường đại học ở miền Trung có khả năng tự kiểm soát việc học trực tuyến tốt. Giới tính và năm học hoàn toàn không có ảnh hưởng đến khả năng này của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Tuy nhiên, cần có các nghiên cứu trên diện rộng hơn với sự cân bằng giữa hai giới nam và nữ tham gia vào nghiên cứu để có thể hiểu rõ hơn sự ảnh hưởng giới tính đến khả năng tự kiểm soát trong học tập của sinh viên.

Đề gia tăng khả năng tự kiểm soát của sinh viên trong việc học trực tuyến, giảng viên cần:

- Công khai cụ thể yêu cầu của khóa học, đặc biệt là yêu cầu về kiểm tra đánh giá, các mốc thời gian cụ thể cho các mục kiểm tra đánh giá.

- Giáo trình tham khảo, tài liệu, trang web cần được cung cấp cho sinh viên vào đầu học kỳ trên trang web của lớp học.

- Hỗ trợ sinh viên lên lộ trình, lựa chọn hình thức học phù hợp.

- Kịp thời giải đáp các thắc mắc của sinh viên trong quá trình học.

Sinh viên cũng cần lưu ý những điểm sau để có thể kiểm soát việc học của mình tốt hơn:

- Lên kế hoạch học tập với các mốc thời gian cụ thể từ đầu khóa học.

- Tìm kiếm cách học phù hợp cho bản thân.

- Tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài liệu trực tuyến phục vụ cho môn học.

- Chủ động liên hệ giảng viên hoặc bạn học khi gặp khó khăn trong quá trình học.

7. Hạn chế của nghiên cứu và gợi ý cho các nghiên cứu trong tương lai

Nghiên cứu chỉ tập trung vào sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh nên kết quả chưa đưa ra được bức tranh toàn diện về khả năng tự kiểm soát khi học trực tuyến của sinh viên các ngành ngôn ngữ khác. Các nghiên cứu về khả năng tự kiểm soát khi học trực tuyến của sinh viên các ngành khác cần được tiến hành. Ngoài ra, đây là loại hình nghiên cứu dựa theo hướng khai thác nhận thức của người tham gia nghiên cứu, cụ thể là việc tự đánh giá của sinh viên với khả năng tự kiểm soát của bản thân khi học trực tuyến. Do đó, độ tin cậy của nghiên cứu còn hạn chế. Kết quả nghiên cứu sẽ là nền tảng cho các nghiên cứu khác có độ tin cậy tốt hơn trong tương lai.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng trong đề tài có mã số B2021-DN05-01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] U. N. T. Nguyen and L. V. Nguyen, "Resilience to withstand Covid-19 crisis: Lessons from a foreign language institution in Vietnam", *Call-EJ*, 22.2, 2021, 40–55.
- [2] T. K. A. Vo and V. Pang, "The application of CIPP model to evaluate online teaching for English- majored programmes in Vietnam during the Covid-19 pandemic", *Journal of Institutional Research South East Asia*, 19.2, 2021, 146–165.
- [3] V. P. Lo, "Online assessment at higher education in Covid-19 Era", *Vietnam Journal of Educational Science*, 17.2, 2021, 60–68.
- [4] T. K. A. Vo, "Vietnamese Secondary Teachers' Responses to Emergency Online Teaching", *International Journal of E-Learning Practice*, 4, 2021, 33–40.
- [5] Y. M. Tang *et al.*, "Comparative analysis of Student's live online learning readiness during the coronavirus (Covid-19) pandemic in the higher education sector", *Computer and Education*, 168, 2021.
- [6] C. V. Tartavulea, C. N. Albu, N. Albu, R. I. Dieaconescu, and S. Petre, "Online teaching practices and the effectiveness of the educational process in the wake of the Covid-19 pandemic", *Amfiteatru Economics.*, 22.55, 2020, 920–936.
- [7] N. D. L. Phan, T. Q. A. Vo, H. N. Nguyen, and T. T. P. Hoang, "Factors of acceptance and use of urgent online learning during the Covid-19 pandemic among third year students taking an English course at the University of Danang", *International Journal of E-Learning Practice*, 4, 2021, 41–60.
- [8] B. D. Nguyen and T. H. V. Le, "EFL learners' perceptions of the impact of Learning Management System on learners; autonomy in Vietnam", *International Journal of E-Learning Practice*, 4, 2021, 10–21.
- [9] V. L. Nguyen and A. T. D. Pham, "Using Synchronous Online Discussion to Develop EFL Learners' Productive Skills: A Case Study", *Journal of Asian TEFL*, 18, 2021, 179–207.
- [10] Ministry of Education and Training, "Official Dispatch: Guidelines for teaching via Internet, TV for general and regfor general and regular education institutions during the schools' closure by Covid-19 pandemic in 2019–2020 academic-year", NXB Hanoi, 2020.
- [11] D. Warner, G. Christie, and S. Choy, *Readiness of VET clients for flexible delivery including on-line learning*. Australian National Training Authority, 1998.
- [12] M. L. Hung, C. Chou, C. H. Chen, and Z. Y. Own, "Learner readiness for online learning: Scale development and student perceptions", *Computer and Education*, 55.3, 2010, 1080–1090.
- [13] T. Reeves, "Pseudoscience in computer-based instruction: the case of learner control research", *Journal of Computer based Instruction*, 20. 2, 1993, 39–46.
- [14] J. W. Creswell, *Research design: Qualitative, quantitative and mixed methods approaches*, Second edi. Los Angeles: Thousand Oaks, CA: Sage Publications, 2003.
- [15] D. Morgan, "Practical strategies for combining qualitative and quantitative methods: Applications to health research", *Qualitative Health Research*, 1.1, 1998, 48–76.
- [16] P. Dorsah, "Pre-teachers' readiness for emergency remote learning in the wake of COVID-19", *European Journal of Stem Education*, 6.1, 2021, 1–12.
- [17] Purwadi *et al.*, "Student Perceptions of Online Learning during the COVID-19 Pandemic in Indonesia: A Study of Phenomenology", *European Journal of Educational Research*, 9.4, 2020, 1635–1647.
- [18] E. Chung, G. Subramaniam, and L. C. Dass, "Online learning readiness among university students in Malaysia amidst COVID-19", *Asian Journal of University Education*, 16.2, 2020, 46–58..